

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
BẢO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tháng 01 năm 2017



MỤC LỤC

NỘI DUNG

2 - 3 BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4 - 6 BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

7 - 8 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

9 BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

10 BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

11 - 42 THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

TRANG

BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 7 đến trang 42 kèm theo.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Đặng Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tư	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Lộc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Tuyết Mai	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 11/08/2016
Ông Nguyễn Văn Dân	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 11/08/2016

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hiếu	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tư	Phó Giám đốc
Nguyễn Duy Lộc	Phó Giám đốc
Doãn Văn Trinh	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 04/05/2016 là Ông Dương Ngọc Kỳ Cương, Phụ trách kế toán của Công ty trong giai đoạn từ ngày 04/05/2016 đến ngày 11/08/2016 là Bà Huỳnh Tuyết Mai, Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 11/08/2016 đến ngày 05/12/2016 là Ông Nguyễn Văn Dân. Phụ trách kế toán của Công ty trong giai đoạn từ ngày 06/12/2016 đến ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Thành Thật.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phần ảnh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phần ảnh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Hiếu
Giám đốc

Cần Giờ, ngày 24 tháng 01 năm 2017

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ

Chúng tôi đã kiểm toán Bảo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 01 năm 2017, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ tại ngày 31/12/2016, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cơ sở để đánh giá các khoản mục công nợ này cũng như những ảnh hưởng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính. Cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12.358.508.333
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	258.882.475
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.253.381.068
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	9.953.678.947
Trả trước cho người bán dài hạn	212	114.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	2.981.985.819
Phải trả người bán ngắn hạn	311	161.067.502
Phải trả ngắn hạn	312	242.965.485
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	319	3.333.742.214
Phải trả khác ngắn hạn	332	1.879.540.067
Người mua trả tiền trước dài hạn	337	422.741.329
Phải trả khác dài hạn		

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ nghiệp vụ thu quyết toán, biên bản xác nhận của khoản doanh thu đã ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền 8.153.330.488 đồng, cụ thể công trình "Nâng vùn tốc khai thác tuyến đường Rừng Sác" với số tiền 4.642.482.288 đồng, công trình "Cải tạo ô nhiễm môi trường tại hai bãi rác Long Hòa và Bình Khánh" với số tiền 875.750.000 đồng và doanh thu bán vật tư với số tiền 2.635.098.200 đồng. Theo đó, chúng tôi chưa có đầy đủ cơ sở và bằng chứng thích hợp của các khoản doanh thu này đã ghi nhận trên khoản mục "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Năm 2016, Công ty được Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giuộc cấp kinh phí cho khôi phục hoàn thành công tác kiến thiết thi công và duy tu thủy lợi từ năm 2004 đến 2009 với số tiền 1.247.725.000 đồng. Sau khi bù trừ các khoản công nợ phải thu cùng đối tượng với số tiền 403.803.000 đồng, Công ty đã ghi nhận số tiền còn lại vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền 843.922.000 đồng. Chúng tôi chưa thu thập được hồ sơ về việc theo dõi các khoản công nợ phải thu phải trả liên quan công tác kiến thiết thi công và duy tu thủy lợi từ năm 2004-2009. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở xem xét tính phù hợp của khoản thu nhập khác nêu trên.

Ngày 15/12/2016, Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giuộc đã ban hành Công văn số 5493/UBND về việc thu hồi nộp ngân sách huyện khoản chênh lệch kinh phí khi điều chỉnh mức tiền lương trong đơn giá các sản phẩm, dịch vụ công ích của Công ty năm 2012 và 2013 với tổng giá trị thu hồi là 1.670.727.443 đồng. Công ty chưa thực hiện điều chỉnh hồi tố theo công văn nêu trên. Do đó, số dư đầu năm và số dư cuối năm của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được điều chỉnh tương ứng. Tuy nhiên, chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng liên quan để thực hiện việc điều chỉnh và xác định những ảnh hưởng lũy kế của nó đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính. Theo đó, Công ty chưa điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính là chưa phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 về "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

Tại ngày 31/12/2016, khoản mục "Phải thu khác" trên Bảng Cân đối kế toán bao gồm số thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp lũy kế từ những năm trước với số tiền 1.621.781.870 đồng, đang chờ đối chiếu với Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được biên bản đối chiếu xác nhận cũng như chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng liên quan đến khoản phải thu này. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở xem xét số dư cũng như đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này đang được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BỘC LẬP (TĐP)

Y kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tính hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Cần Giuộc tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhận mạnh

Như được nêu tại mục 8 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Quý khiên thường phúc lợi tại ngày 31/12/2016 của Công ty có số dư âm 3.512.391.340 đồng và được phản ánh lên chi tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136) trên Bảng cân đối kế toán.

Quý I năm 2014, 2015 và 2016 của Công ty đã được Hội đồng Thành viên Công ty thông qua. Tuy nhiên, việc sử dụng và phê duyệt chính thức Quý I năm, các Quý được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Chi cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 4.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo khoản 1, điều 10 của Thông tư số 127/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty không phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tuy nhiên, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, Công ty phải trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu với tổng giá trị là 2.844.252.416 đồng.

Các vấn đề cần nhận mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Lương Ngô Bảo Trân

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1828-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA - CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
TÀI SẢN NGÂN HÀNG	100		38.772.217.800	39.979.759.635
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.259.075.242	12.081.370.351
Tiền	111		11.259.075.242	11.081.370.351
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	396.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	396.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.107.241.240	25.760.116.048
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.626.836.597	15.733.501.462
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		258.882.475	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.221.522.168	10.026.614.586
Hàng tồn kho	140	10	1.278.411.926	1.662.053.236
Hàng tồn kho	141		1.278.411.926	1.662.053.236
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		127.489.392	80.220.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	97.781.573	80.220.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	29.707.819	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.717.399.074	33.030.614.394
Các khoản phải thu dài hạn	210		19.382.594.363	20.117.930.165
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	9.953.678.947	10.237.368.947
Trả trước cho người bán dài hạn	212		363.815.500	363.815.500
Phải thu dài hạn khác	216	8	9.681.985.819	10.133.631.621
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(616.885.903)	(616.885.903)
Tài sản cố định	220		11.938.889.157	8.566.775.222
Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.938.889.157	8.566.775.222
- Nguyên giá	222		25.787.284.847	21.060.297.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.848.395.690)	(12.493.522.090)
Bất động sản đầu tư	230	12	-	-
- Nguyên giá	231		265.591.000	265.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(265.591.000)	(265.591.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.395.915.554	4.236.792.764
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	3.711.657.528	3.711.657.528
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.684.258.026	525.135.236
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	109.116.243
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	-	109.116.243
TỔNG TÀI SẢN	270		78.489.616.874	73.010.374.029

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		37.290.557.623	34.676.162.778
Nợ ngắn hạn	310		21.488.280.560	19.790.679.382
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	161.067.502	175.344.485
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		242.965.485	229.965.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.614.937.387	2.178.221.981
Phải trả người lao động	314		4.330.133.873	4.941.248.580
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.222.112.099	8.267.837.336
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.333.742.214	2.997.934.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	583.322.000	1.000.128.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	-	-
Nợ dài hạn	330		15.802.277.063	14.885.483.396
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		1.879.540.067	1.879.540.067
Phải trả dài hạn khác	337	19	12.422.741.329	12.422.741.329
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.499.995.667	583.202.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.199.059.251	38.334.211.251
Vốn chủ sở hữu	410	22	41.199.059.251	38.334.211.251
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.783.000.000	38.783.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.783.000.000	38.783.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.388.676.842	3.388.676.842
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(972.617.591)	(3.837.465.591)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		(3.837.465.591)	(4.641.127.739)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.864.848.000	803.662.148
Nguyên kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		78.489.616.874	73.010.374.029

Phụ trách kế toán

Người lập biểu

Cần Giờ, ngày 22 tháng 01 năm 2017
 Giám đốc



Nguyễn Thành Thật
 Nguyễn Văn Hiếu

Bùi Thị Minh Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết	số minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	59.358.843.256	46.474.496.404
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.358.843.256	46.474.496.404

Gia vốn hàng bán	11	24	46.689.846.917	36.842.903.765
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.668.996.339	9.631.592.639
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	127.695.119	109.015.402
Chi phí tài chính	22	26	97.895.667	36.667.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		97.895.667	36.667.000
Chi phí bán hàng	25	29	2.733.068.684	449.111.520
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	7.256.605.072	8.052.355.917
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.709.122.035	1.202.473.604
Thu nhập khác	31	27	990.220.223	412.268.419
Chi phí khác	32	28	1.339.365	403.682.353
Lợi nhuận khác	40		988.880.858	8.586.066
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.698.002.893	1.211.059.670
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	833.154.893	407.397.522
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.864.848.000	803.662.148

Cần Giuộc, ngày 24 tháng 01 năm 2017



Nguyễn Văn Hiếu

Nguyễn Thành Thật

Bùi Thị Minh Ngọc

Phụ trách kế toán

Người lập biên

(Signature)

(Signature)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu Mã Thuyết số minh VND Năm 2016 VND Năm 2015

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01	3.698.002.893	1.211.059.670
Lợi nhuận trước thuế			
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.725.313.600	1.285.374.836
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(216.466.059)	(274.469.947)
Chi phí lãi vay	06	97.895.667	36.667.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.304.746.101	2.258.631.559
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.117.706.791	136.569.732
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	383.641.310	(1.603.490.395)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi)	11	1.355.891.433	(1.468.158.573)
vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	91.554.670	(99.045.243)
Tiền lãi vay đã trả	14	(97.895.667)	(36.667.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(74.639.148)	(1.128.555.289)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	14.860.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(759.204.000)	(1.772.193.069)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.321.801.490	(3.698.048.278)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.256.550.325)	(3.649.063.636)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	115.200.000	165.454.545
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	396.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.266.059	109.015.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.644.084.266)	(3.374.593.689)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	2.000.000.000	2.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.500.012.333)	(416.670.000)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	499.987.667	1.583.330.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	177.704.891	(5.489.311.967)
Tiền và tương đương đầu năm	60	12.081.370.351	17.570.682.318
Tiền và tương đương cuối năm	70	12.259.075.242	12.081.370.351
Phụ trách kế toán			



Bà Thị Minh Ngọc
 Nguyễn Thành Thật
 Nguyễn Văn Hiền

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công nghệ Huyện Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số: 6282/QĐ-UB-KT ngày 05/11/1997 đăng ký lại lần thứ 1 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000119, ngày 29/12/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV từ tháng 08/2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số 0301447810 ngày 12 tháng 06 năm 2013.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhi, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 38.783.000.000 đồng. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu 100% vốn điều lệ.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ, Thương mại và Xây dựng.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu cầu đường bộ, tuyên kê bờ biển và đề thủy lợi nội đồng theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao; Cung ứng nước ngọt cho cộng đồng dân cư trên địa bàn. Quản lý, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Hoạt động khác: San lấp mặt bằng; Quản lý và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước; Xây dựng các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng thuộc nhóm C (gồm công trình phức lợi công cộng, trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà ở cơ quan, cơ sở sản xuất và dân dụng); Tư vấn khảo sát thiết kế, thi công các công trình giao thông, thủy lợi; Thi công các công trình cấp thoát nước; Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng gồm: cát, đá, sỏi, bê tông nhựa nóng (chỉ khai thác cát, đá, sỏi khi được cấp giấy phép theo quy định); Đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê;

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các hoạt động công ích và thực hiện các hợp đồng xây dựng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. BẮC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 BẮC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ công ích và thực hiện các hợp đồng xây dựng. Các dịch vụ công ích Công ty thực hiện và quyết toán với UBND thành phố còn các hợp đồng xây dựng Công ty phải tự tìm kiếm và đầu thầu theo đúng quy định. Do không phải là doanh nghiệp chuyên về lĩnh vực xây dựng nên việc đầu thầu cạnh tranh với các doanh nghiệp khác gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, và Thông tư 53/2016/T-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỨC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua công các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tồn thất để trích lập dự phòng tồn thất đầu tư.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc "Hường dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần", Công ty không trích lập các khoản dự phòng trong năm 2016.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC Ghi nhận và Khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

4.6 NGUYÊN TẮC Ghi nhận và Khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do Nhà nước giao quản lý và nhà kho của Công ty nằm giữ chờ quyết định mục đích sử dụng mới từ cơ quan quản lý cấp trên. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thì nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chỉ phí phải trả được ghi nhận là các chi phí liên quan giá vốn công trình được trích trước theo lệnh giao việc và tỉ lệ doanh thu ghi nhận trong năm.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

4.9 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi phí thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán với Chủ đầu tư, hoặc Giám sát công trình (bên C).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.11 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khác hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 BẢO CẢO BỘ PHẦN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động dịch vụ công, hoạt động xây dựng, hoạt động bán vật liệu xây dựng và hoạt động cung cấp nước ngọt. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
Tiền mặt	320.657.602	1.859.467
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.938.417.640	11.079.510.884
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	12.259.075.242	12.081.370.351

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội với lãi suất 6,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	396.000.000	396.000.000
Ngắn hạn	-	-	396.000.000	396.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	396.000.000	396.000.000
Dài hạn	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
VND	VND
12.626.836.597	15.733.501.462
851.560.037	4.185.614.037
582.426.000	6.246.188.000
3.045.200.000	2.891.165.000
5.106.730.517	-
3.040.920.043	2.410.534.425
9.953.678.947	10.237.368.947
9.061.696.947	9.063.696.947
1.035.891.000	1.035.891.000
1.596.081.000	1.596.081.000
4.767.000.000	4.767.000.000
1.089.510.000	1.089.510.000
573.214.947	575.214.947
891.982.000	1.173.672.000

- Phải thu của khách hàng ngắn hạn
- Đường đi tiêu vùng 100ha
 - Duyệt sửa chữa kê đã trung tâm xã Thành An
 - Nâng cấp mở rộng Trường Mầm Non Thạnh An
 - Nâng vận tốc khai thác tuyến đường Rừng Sác
 - Các khoản phải thu khách hàng khác
 - Phải thu UBND Huyện Cần Giờ (*)
 - + Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu
 - + Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà
 - + Khu dân cư Đồng Trành - Long Hoà
 - + Khu dân cư Vàm Sát II
 - + Khu dân cư Giồng Ao
 - Các khoản phải thu khách hàng khác
- Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(*): Công nợ liên quan đến các công trình khu dân cư mà Công ty thực hiện theo yêu cầu và chủ trương của UBND Huyện Cần Giờ là 9.061.696.947 đồng, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thanh toán quyết toán công trình cũng như quyết toán công nợ với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngân hạn	12.221.522.168	-	10.026.614.586	-
- Tạm ứng	6.499.536.403	-	4.849.533.897	-
- Ký cược, ký quỹ	179.670.840	-	451.301.700	-
- Phải thu khác	2.029.923.585	-	1.972.591.649	-
+ Thuế GTGT và TNDN chờ quyết toán	1.621.781.870	-	1.621.781.870	-
+ Phải thu khác	408.141.715	-	350.809.779	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt (*)	3.512.391.340	-	2.753.187.340	-
Dài hạn	9.681.985.819	(616.885.903)	10.133.631.621	(616.885.903)
- Tạm ứng cho Ông Nguyễn Văn Suông	1.512.214.758	(616.885.903)	1.522.214.758	(616.885.903)
- Phải thu khác	8.169.771.061	-	8.611.416.863	-
+ Ban bồi thường GPMB huyện Cần Giờ	6.700.000.000	-	6.700.000.000	-
+ Khu dân cư Vàm Sát II (**)	1.389.510.000	-	1.389.510.000	-
+ Phải thu dài hạn khác	80.261.061	-	521.906.863	-
Cộng	21.903.507.987	(616.885.903)	20.160.246.207	(616.885.903)

(*): Quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31/12/2016 có số dư âm 3.512.391.340 đồng và được phân ảnh lên chi tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Việc sử dụng và phê duyệt chính thức các quỹ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Chi Cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền.

(**): Công trình khu dân cư Vàm sát II Công ty đã tập hợp hồ sơ chờ UBND huyện Cần Giờ quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.512.214.758	895.328.855	1.522.214.758	905.328.855
+ Ông Nguyễn Văn Suông	1.512.214.758	895.328.855	1.522.214.758	905.328.855
Cộng	1.512.214.758	895.328.855	1.522.214.758	905.328.855

Khoản nợ phải thu Ông Nguyễn Văn Suông đã quá hạn trên 3 năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tỷ lệ 40%.

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	312.800.258	-	407.204.588	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.248.407	-	1.254.848.648	-
Hàng hóa	944.363.261	-	-	-
Cộng	1.278.411.926	-	1.662.053.236	-

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
(Các thuộc tính này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đựng cù quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2016	1.868.158.323	9.693.131.541	9.348.519.438	150.488.010	-	21.060.297.312
- Mua trong năm	224.400.000	1.032.000.000	2.627.000.000	-	145.265.535	4.028.665.535
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.068.762.000	-	-	-	-	1.068.762.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(370.440.000)	-	-	(370.440.000)
31/12/2016	3.161.320.323	10.725.131.541	11.605.079.438	150.488.010	145.265.535	25.787.284.847
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2016	1.868.158.323	6.798.335.328	3.676.540.429	150.488.010	-	12.493.522.090
- Khấu hao trong năm	52.455.402	512.315.439	1.156.749.715	-	3.793.044	1.725.313.600
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(370.440.000)	-	-	(370.440.000)
Tại 31/12/2016	1.920.613.725	7.310.650.767	4.462.850.144	150.488.010	3.793.044	13.848.395.690
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	-	2.894.796.213	5.671.979.009	-	-	8.566.775.222
Tại 31/12/2016	1.240.706.598	3.414.480.774	7.142.229.294	-	149.058.579	11.938.889.157

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 5.419.355.953 đồng.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.498.708.330 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
 Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN

- Khu dân cư Giồng Ao
- Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu
- Khu dân cư Cá Cháy - ATD
- Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà
- Khu dân cư Đồng Tranh - Long Hoà
- Khu dân cư Đồng Dinh - Long Hoà
- Khu dân cư Vàm Sát II
- Khu dân cư Cọ Dầu - Bình Khánh
- Khu Dân Cư Giồng Ao II
- Khu dân cư Giồng Ao (lha)

Cộng

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Khu dân cư Giồng Ao	26.937.952	26.937.952	26.937.952	26.937.952
- Khu dân cư Bà Xán - Kiểu mẫu	29.400.657	29.400.657	29.400.657	29.400.657
- Khu dân cư Cá Cháy - ATD	2.103.635.431	2.103.635.431	2.103.635.431	2.103.635.431
- Khu dân cư Hoà Hiệp - Long Hoà	325.707.191	325.707.191	325.707.191	325.707.191
- Khu dân cư Đồng Tranh - Long Hoà	89.458.583	89.458.583	89.458.583	89.458.583
- Khu dân cư Đồng Dinh - Long Hoà	2.335.000	2.335.000	2.335.000	2.335.000
- Khu dân cư Vàm Sát II	717.913.279	717.913.279	717.913.279	717.913.279
- Khu dân cư Cọ Dầu - Bình Khánh	356.492.927	356.492.927	356.492.927	356.492.927
- Khu Dân Cư Giồng Ao II	48.452.159	48.452.159	48.452.159	48.452.159
- Khu dân cư Giồng Ao (lha)	11.324.349	11.324.349	11.324.349	11.324.349
Cộng	3.711.657.528	3.711.657.528	3.711.657.528	3.711.657.528

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯỚI DẠNG

Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
VND	VND
4.159.142.790	-
- Tiền sử dụng đất kho 360 dự án 8ha để đầu tư xây dựng nhà để bán theo quy hoạch	
- Công trình xây dựng văn phòng đội xây lắp	318.223.236
318.243.236	
- Tiền sử dụng đất kho 360 dự án 8ha để đầu tư xây dựng nhà để bán theo quy hoạch	
- Quyền sử dụng đất khu đường Nguyễn Phan Vinh, TT Cần Thạnh, huyện Cần Giờ	206.892.000
206.892.000	
4.684.258.026	525.135.236
Cộng	

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
VND	VND
97.781.573	80.220.000
- Chi phí đồng phục	80.220.000
- Chi phí khác	-
- Chi phí bồi kho Đông	109.116.243
109.116.243	
- Chi phí bồi kho Đông	109.116.243
109.116.243	
97.781.573	189.336.243
Cộng	

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạch, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	161.067.502	161.067.502	175.344.485	175.344.485
- Tổng công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	-	-	156.085.985	156.085.985
- Công ty TNHH TM DV Minh Thiên Thành	65.909.089	65.909.089	-	-
- Công ty TNHH Thiết Bị Tự Động Thang Máy MITSUBISHI Việt	14.850.000	14.850.000	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	80.308.413	80.308.413	19.258.500	19.258.500
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.768.836.897	5.132.170.754	5.793.098.151	1.107.909.500
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.397.523	833.154.893	74.639.148	1.165.913.268
- Thuế thu nhập cá nhân	1.987.561	23.164.029	25.151.590	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	109.287.337	109.287.337	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	341.114.619	-	341.114.619
- Thuế bảo vệ môi trường	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	1.347.138	1.347.138	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	2.178.221.981	6.443.238.770	6.006.523.364	2.614.937.387
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	29.707.819	29.707.819
Cộng	-	-	29.707.819	29.707.819

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
 Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạch, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Chi phí các công trình sửa chữa	10.222.112.099	10.222.112.099	8.267.837.336	8.267.837.336
- Chi phí các công trình xây lắp	-	-	77.006.693	77.006.693
- Chi phí các công trình đường đê, nội áp	7.193.253.112	7.193.253.112	5.625.992.391	5.625.992.391
- Chi phí các công trình công ích	2.141.765.308	2.141.765.308	2.214.012.652	2.214.012.652
- Chi phí các công trình công ích	646.093.679	646.093.679	350.825.600	350.825.600
- Các khoản trích trước khác	241.000.000	241.000.000	-	-
	-	-	-	-
Dài hạn				
Cộng	<u>10.222.112.099</u>	<u>10.222.112.099</u>	<u>8.267.837.336</u>	<u>8.267.837.336</u>

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ

Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngân hạn				
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.333.742.214	3.333.742.214	2.997.934.000	2.997.934.000
+ Bảo hành công trình các đội	3.333.742.214	3.333.742.214	2.997.934.000	2.997.934.000
+ Phí môi trường phải nộp	1.513.792.469	1.513.792.469	435.014.724	435.014.724
+ Tiền bù cấp giá nước	-	-	846.146.172	846.146.172
+ Chi phí chờ quyết toán	1.338.593.094	1.338.593.094	1.343.929.104	1.343.929.104
+ Phải trả khác	359.782.915	359.782.915	372.844.000	372.844.000
	121.573.736	121.573.736		
Dài hạn	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329	12.422.741.329
+ Dự án tái định cư Cọ Dầu	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
+ Phải trả dài hạn khác	422.741.329	422.741.329	422.741.329	422.741.329
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	<u>15.756.483.543</u>	<u>15.756.483.543</u>	<u>15.420.675.329</u>	<u>15.420.675.329</u>

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	Tại 31/12/2016		Trong năm		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.583.450.000	1.583.450.000	583.322.000	1.000.128.000	1.000.128.000	1.000.128.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Tp Hồ Chí Minh [1]	1.583.450.000	1.583.450.000	583.322.000	1.000.128.000	1.000.128.000	1.000.128.000
Vay dài hạn	499.867.667	499.867.667	1.416.678.000	499.884.333	583.202.000	583.202.000
Quỹ Bảo vệ môi trường Tp Hồ Chí Minh [2]	499.867.667	499.867.667	1.416.678.000	499.884.333	583.202.000	583.202.000
Cộng	2.083.317.667	2.083.317.667	2.000.000.000	1.500.012.333	1.583.330.000	1.583.330.000

[1] Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 07-01/QBVM-T-HĐTD ngày 07/07/2015 với Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 2 năm, lãi suất 4,8%/năm, mục đích vay là để thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 02 xe ép rác 9m³" và thế chấp khoản vay bằng 2 xe ép rác. Công ty trả gốc vay vào ngày cuối mỗi tháng với số tiền là 83.344.000 đồng.

[2] Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06-2016/HĐTD-QBVM-T ngày 17/06/2016 với Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 2 năm, lãi suất 4,9%/năm, mục đích vay là để thực hiện dự án "Đầu tư mua mới 01 xe ép rác 20m³" và thế chấp khoản vay bằng xe ép rác. Công ty trả gốc vay vào ngày cuối mỗi tháng với số tiền là 83.344.000 đồng.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Tại 01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.753.187.340)	8.260.000	767.464.000	(3.512.391.340)
Cộng	(2.753.187.340)	8.260.000	767.464.000	(3.512.391.340)

Số âm Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phản ánh trên chi tiêu Phải thu ngắn hạn khác (Xem thêm tại thuyết minh số 8)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2015	38.783.000.000	3.388.676.842	(4.641.127.739)	37.530.549.103
- Lãi trong năm trước	-	-	803.662.148	803.662.148
Tại 31/12/2015	38.783.000.000	3.388.676.842	(3.837.465.591)	38.334.211.251
Tại 01/01/2016	38.783.000.000	3.388.676.842	(3.837.465.591)	38.334.211.251
- Lãi trong năm nay	-	-	2.864.848.000	2.864.848.000
Tại 31/12/2016	38.783.000.000	3.388.676.842	(972.617.591)	41.199.059.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
VND	VND
3.388.676.842	3.388.676.842

Quỹ đầu tư phát triển

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Năm 2016	Năm 2015
VND	VND
59.358.843.256	46.474.496.404
16.738.961.434	17.067.988.550
6.995.100.719	6.929.436.224
3.623.805.034	-
32.000.976.069	22.477.071.630
32.000.976.069	22.477.071.630
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng	
trong kỳ	
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng	
được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	
Doanh thu với các bên liên quan	

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Năm 2016	Năm 2015
VND	VND
12.133.288.262	12.934.752.834
2.038.764.780	3.151.994.865
3.030.831.558	-
29.486.962.317	20.756.156.066
46.689.846.917	36.842.903.765

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Năm 2016	Năm 2015
VND	VND
101.266.059	109.015.402
1.179.060	-
25.250.000	-
127.695.119	109.015.402

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
Thu tiền lãi bảo hành công trình
Doanh thu hoạt động tài chính khác

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	97.895.667	36.667.000
Cộng	97.895.667	36.667.000

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	115.200.000	165.454.545
Thu nhập từ thu Ngân sách trả tiền về cung cấp dịch vụ công ích từ năm 2004-2009	31.098.223	246.813.874
Các khoản thu nhập khác	990.220.223	412.268.419
Cộng	990.220.223	412.268.419

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
Chi nộp phạt, truy thu thuế	1.339.365	297.697.507
Các khoản chi phí khác	-	105.984.846
Cộng	1.339.365	403.682.353

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	7.256.605.072	8.052.355.917
- Chi phí nhân viên quản lý	4.955.995.479	5.258.704.800
- Chi phí vật liệu quản lý	-	301.479.731
- Chi phí đồ dùng văn phòng	21.970.909	458.086.623
- Chi phí khấu hao TSCĐ	89.506.368	97.947.485
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	54.298.692
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.716.701.346	905.231.338
- Chi phí bằng tiền khác	469.430.970	976.607.248
Các khoản chi phí bán hàng	2.733.068.684	449.111.520
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.121.875.481	42.885.000
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	2.050.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	750.000	60.033.586
- Chi phí khấu hao TSCĐ	335.613.084	340.075.114
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.274.830.119	4.067.820
- Chi phí bằng tiền khác	-	-
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên vật liệu	25.411.191,541	20.897.270,448
Chi phí nhân công	22.038.604,203	24.588.330,013
Khấu hao tài sản cố định	1.689.688,198	1.285.374,836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.981.857,076	5.364.503,800
Chi phí bằng tiền khác	472.625,676	976.607,248
Cộng	60.593.966,694	53.112.086,345

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.698.002,893	1.211.059,670
Các khoản điều chỉnh tăng TNCT	467.771,574	640.747,248
- Các khoản chi phí phát	1.339,365	297.697,507
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	332.210,890
- Xứ lý công nợ không có đối tượng	466.432,209	-
- Chi phí không hợp lý khác	-	10.838,851
Các khoản điều chỉnh giảm TNCT	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	4.165.774,467	1.851.806,918
Thuế suất	20%	22%
Thuế TNCT hiện hành	833.154,893	407.397,522
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung các năm trước	13.393,658	-
Chi phí thuế TNDN	846.548,551	407.397,522

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cầu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực và báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị ghi sổ		Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
		VND		VND	
Tài sản tài chính	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.259.075.242	12.081.370.351	396.000.000	12.081.370.351
	Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	396.000.000	-	396.000.000
	Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.155.051.642	32.177.034.861	42.414.126.884	44.654.405.212
	Công	42.414.126.884	44.654.405.212	42.414.126.884	44.654.405.212
		VND		VND	
		Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
Nợ phải trả tài chính	Phải trả người bán và phải trả khác	15.917.551.045	175.344.485	8.267.837.336	175.344.485
	Chi phí phải trả	10.222.112.099	8.267.837.336	2.083.317.667	1.583.330.000
	Vay ngắn hạn, dài hạn	2.083.317.667	1.583.330.000	28.222.980.811	10.026.511.821
	Công	28.222.980.811	10.026.511.821	14.191.146.073	34.627.893.391
		VND		VND	
		Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tồn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tồn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại với công nợ tài chính phải phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đảo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016		
Phải trả người bán và phải trả khác	10.222.112.099	10.222.112.099
Chi phí phải trả	-	-
Vay ngắn hạn, dài hạn	1.583.450.000	1.583.450.000
Cộng		
	<u>15.300.371.815</u>	<u>15.300.371.815</u>
Tại 01/01/2016		
Phải trả người bán và phải trả khác	175.344.485	175.344.485
Chi phí phải trả	-	-
Vay ngắn hạn, dài hạn	1.000.128.000	1.000.128.000
Chi phí phải trả	8.267.837.336	8.267.837.336
Cộng		
	<u>9.443.309.821</u>	<u>9.443.309.821</u>
	<u>583.202.000</u>	<u>10.026.511.821</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh,
Huyện Cần Giờ, Tp. Hồ Chí Minh
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đảo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đảo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương	12.259.075.242	-	12.259.075.242
đương tiền	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
ngắn hạn	18.689.157.937	11.465.893.705	30.155.051.642
thu khác	30.948.233.179	11.465.893.705	42.414.126.884
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương	12.081.370.351	-	12.081.370.351
đương tiền	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính	396.000.000	-	396.000.000
ngắn hạn	20.417.451.156	11.759.583.705	32.177.034.861
thu khác	32.894.821.507	11.759.583.705	44.654.405.212

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CẦN GIỜ
Đường Duyên Hải, Khu phố Miếu Nhì, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2016	Hoạt động dịch vụ công ích VND	Hoạt động cấp nước sinh hoạt VND	Hoạt động bán hàng hóa VND	Hoạt động xây dựng VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.738.961.434	6.995.100.719	3.623.805.034	32.000.976.069	59.358.843.256
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.738.961.434	6.995.100.719	3.623.805.034	32.000.976.069	59.358.843.256
Giá vốn bộ phận	(12.133.288.262)	(2.038.764.780)	(3.030.831.558)	(29.486.962.317)	(46.689.846.917)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.605.673.172	4.956.335.939	592.973.476	2.514.013.752	12.668.996.339
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(9.989.673.756)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	2.679.322.583
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	127.695.119
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(97.895.667)
Thu nhập khác	-	-	-	-	990.220.223
Chi phí khác	-	-	-	-	(1.339.365)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(833.154.893)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	2.864.848.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2015		Hoạt động dịch vụ công ích	Hoạt động cấp nước sinh hoạt	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động xây dựng	Cộng
		VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.067.988.550	6.929.436.224	-	-	22.477.071.630	46.474.496.404
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.067.988.550	6.929.436.224	-	-	22.477.071.630	46.474.496.404
Giá vốn bộ phận	(12.934.752.834)	(3.151.994.865)	-	-	(20.756.156.066)	(36.842.903.765)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.133.235.716	3.777.441.359	-	-	1.720.915.564	9.631.592.639
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(8.501.467.437)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	-	-	-	-	-	<i>1.130.125.202</i>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	109.015.402
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(36.667.000)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	412.268.419
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(403.682.353)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(407.397.522)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	-	<i>803.662.148</i>

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TANG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

35.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của HDTV, BKS, Ban Giám đốc:

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập của HDTV, BKS và Ban Giám đốc	1.656.000.000	2.050.730.518
Tiền lương, thưởng	1.656.000.000	2.050.730.518
Phụ cấp	-	-

35.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Bùi Thị Minh Ngọc

Nguyễn Thành Thật

Nguyễn Văn Hiền



Cần Giờ, ngày 24 tháng 01 năm 2017